Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất

%

	Quý III năm 2020 so với		9 tháng năm 2020
	Quý III năm 2019	Quý II năm 2020	so với cùng kỳ năm trước
CHỈ SỐ CHUNG	**101.41**	**100.56**	**101.36**
Phân theo mục đích sử dụng			
Sử dụng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản	99.39	103.19	105.76
Sử dụng cho sản xuất công nghiệp	101.31	100.53	101.32
Sử dụng cho xây dựng	101.07	100.64	100.63
Phân theo ngành sản phẩm			
Sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản	99.65	98.74	99.53
Sản phẩm khai khoáng	101.07	99.58	102.30
Sản phẩm công nghiệp	101.36	100.83	101.29
Điện, hơi nước	108.94	101.61	108.10
Nước tự nhiên khai thác	99.90	99.25	101.47
Dịch vụ xây dựng chuyên dụng	101.29	100.15	101.79
Dịch vụ chuyên môn khoa học công nghệ	101.55	100.10	101.89